Chi tiết mã HS 8307.10.00

Mã HS	8307.10.00
Mô tả hàng hóa	Ống dễ uốn bằng kim loại cơ bản, có hoặc không có phụ kiện để ghép nối / - Bằng sắt hoặc thép
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 11:21:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/83071000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12664
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12664
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12664
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12030
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11973
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11973
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11973
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11973
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11973
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11973
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12025
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12025

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12025
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12025
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12025
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12025
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12026
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12026
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12026
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12026
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12026
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12026
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12029
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11979
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11985
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11985
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11985
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11985
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11985
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11985
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12018
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12018
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12018
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12018
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12018
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12018
VCFTA	2022	2022	2	VC!D12063
VCFTA	2023	2023	1	VC!E12063

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12063
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12063
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12063
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12063
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12048
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12048
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12048
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12048
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12048
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12048
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12048
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12048
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12048
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12048
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12048
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12048
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D12065
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E12065
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F12065
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12065
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12065
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12065
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D12064
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E12064
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F12064
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12064

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12064
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12064
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12011
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12011
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12011
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12011
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12011
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12011
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12011
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12048
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12048
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12048
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12048
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12048
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12048
RCEP B	2022	2022	0	B!D12048
RCEP B	2023	2023	0	B!E12048
RCEP B	2024	2024	0	B!F12048
RCEP B	2025	2025	0	B!G12048
RCEP B	2026	2026	0	B!H12048
RCEP B	2027	2027	0	B!I12048
RCEP C	2022	2022	0	C!D12048
RCEP C	2023	2023	0	C!E12048
RCEP C	2024	2024	0	C!F12048
RCEP C	2025	2025	0	C!G12048
RCEP C	2026	2026	0	C!H12048

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12048
RCEP D	2022	2022	0	D!D12047
RCEP D	2023	2023	0	D!E12047
RCEP D	2024	2024	0	D!F12047
RCEP D	2025	2025	0	D!G12047
RCEP D	2026	2026	0	D!H12047
RCEP D	2027	2027	0	D!I12047
RCEP E	2022	2022	0	E!D12051
RCEP E	2023	2023	0	E!E12051
RCEP E	2024	2024	0	E!F12051
RCEP E	2025	2025	0	E!G12051
RCEP E	2026	2026	0	E!H12051
RCEP E	2027	2027	0	E!I12051
RCEP F	2022	2022	0	F!D12048
RCEP F	2023	2023	0	F!E12048
RCEP F	2024	2024	0	F!F12048
RCEP F	2025	2025	0	F!G12048
RCEP F	2026	2026	0	F!H12048
RCEP F	2027	2027	0	F!I12048
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F11138
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G11138
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H11138
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I11138

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8307.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8307.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12664), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.